

SINH HOẠT TÍN NGƯỠNG VÀ MỘT SỐ KHÓA CẠNH KINH TẾ
(Qua khảo cứu tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt vùng
Đồng bằng Bắc Bộ)

***Tóm tắt:** Tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt vùng Đồng bằng Bắc Bộ là một loại hình tín ngưỡng dân gian được ra đời từ rất sớm trong lịch sử. Cùng với thời gian, tín ngưỡng thờ Mẫu đã có sự biến đổi để có thể phản ánh được sự thay đổi của xã hội Việt Nam trong các giai đoạn lịch sử khác nhau. Nếu như trước thế kỷ XVI, tín ngưỡng thờ Mẫu gắn nhiều với nền kinh tế nông nghiệp thì sau thế kỷ XVI đã dần chuyển sang phản ánh nền kinh tế hàng hóa với vai trò mới nổi của các thương nhân (qua hình ảnh của Thánh Mẫu Liễu Hạnh và Tam Tòa Thánh Mẫu). Cho đến nay, tín ngưỡng thờ Mẫu vẫn tiếp tục phát triển trong mối quan hệ mật thiết với hoạt động thương mại. Hàng loạt các đền phủ thờ Mẫu được mọc lên trên con đường buôn bán Bắc - Nam với sự tham gia của hầu hết các con nhang, đệ tử là những người làm ăn buôn bán. Khi tham gia vào các sinh hoạt tín ngưỡng thờ Mẫu, các con nhang đệ tử đã tìm thấy cho mình chỗ dựa về tinh thần để có thể tự tin tham gia các hoạt động kinh tế. Đồng thời, bản thân các cộng đồng dân cư - nơi đặt các đền, phủ Mẫu hoặc các bản hội với vai trò trung tâm là các đồng thầy - cũng chịu sự tác động mạnh mẽ trên phương diện đời sống kinh tế.*

***Từ khóa:** Bắc Bộ; tín ngưỡng; thờ Mẫu; kinh tế.*

1. Việt Nam là quốc gia đa dân tộc, đa tín ngưỡng với sự góp mặt của rất nhiều các tôn giáo lớn trên thế giới (như: Phật giáo, Kitô giáo, Islam giáo) cũng như những tôn giáo, tín ngưỡng bản địa của người Việt (Cao Đài, Hòa Hảo, thờ Mẫu, thờ Thành hoàng làng, thờ cúng tổ

* Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
Ngày nhận bài: 13/02/2019; Ngày biên tập: 20/02/2019; Duyệt đăng: 27/02/2019.

tiên,...). Chính sự đa dạng về đời sống tôn giáo, tín ngưỡng đó đã dẫn đến những đặc trưng riêng có của mình, như L. Cadiere đã rất tinh tế và sâu sắc khi chỉ ra điểm nổi bật nhất của đời sống tín ngưỡng tôn giáo của người Việt khi ví nó “chằng chịt”, “rậm rạp” và dường như “vô tận” như cây cối trong rừng Trường Sơn¹.

Có thể nhận thấy trong sự đa dạng và phong phú dường như “chằng chịt”, và “vô tận” ấy thì nổi bật hơn cả đó là tính thực dụng trong hành vi và niềm tin tôn giáo của người Việt. Đối với họ, khi tin theo hay thực hành một tôn giáo, tín ngưỡng nào đó thì trước hết, việc tin theo và thực hành tôn giáo, tín ngưỡng ấy phải làm cho cuộc sống hiện tại của họ, của gia đình, dòng họ, và cộng đồng họ được tốt đẹp hơn. Và tất nhiên, (theo cảm nhận của riêng họ) những vị thần mà họ tin theo trong tôn giáo, tín ngưỡng đó phải phần nào đáp ứng được những yêu cầu và đòi hỏi (phát sinh trong cuộc sống thường ngày) của họ. Đó có thể là: sức khỏe, con cái, hạnh phúc, công danh, sự nghiệp, giàu có,...

Trong quan niệm của người Việt vùng Đồng bằng Bắc Bộ, trần gian - nơi mà họ đang sống và thế giới của thần linh không có sự tách biệt hoàn toàn mà luôn quan hệ và ảnh hưởng lẫn nhau (người Việt thường có xu hướng “kéo” thần linh xuống với thế giới của mình). Theo đó, mọi diễn biến trong cuộc sống của họ theo chiều hướng tốt hay xấu, nhàn nhã, may mắn hay vất vả, khó khăn không hẳn là do họ gây ra mà đều do một lực lượng linh thiêng nào đó tạo ra. Và để giảm thiểu những sự không may mắn, những khó khăn và bất lực trong “cuộc sống hàng ngày” ấy thì họ phải tác động tới thế giới thần linh bằng những nghi lễ tôn giáo, tín ngưỡng nhất định. Hay nói cách khác, cuộc sống của họ diễn biến như thế nào phụ thuộc vào thái độ và sự thành tâm của họ đối với các vị thần linh. Điều này được thể hiện rất rõ trong các loại hình tín ngưỡng dân gian của người Việt, như: tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, tín ngưỡng thờ Thành hoàng làng, tín ngưỡng thờ Mẫu,...

2. Tín ngưỡng thờ Mẫu là một loại hình tín ngưỡng dân gian được tích hợp bởi ba lớp thờ là thờ Nữ thần, thờ Mẫu thần và thờ Tam Tòa - Tứ Phủ, với niềm tin thiêng liêng vào quyền năng của Mẫu - đáng sáng tạo, bảo trợ cho sự sinh thành, tồn tại và phát triển của tự nhiên, xã hội

và con người. Xuất phát từ truyền thống tôn trọng phụ nữ cũng như phản ánh vai trò của phụ nữ trong xã hội Việt Nam lịch sử và hiện tại mà những người tin theo tín ngưỡng thờ Mẫu thường luôn cầu mong sức khỏe, công danh, tài lộc và con cái mỗi khi tìm về điện thờ Mẫu.

Khi nghiên cứu về thần điện của tín ngưỡng thờ Mẫu, Trần Lâm Biền cho rằng đã có sự dịch chuyển đối tượng và nghi lễ thờ Mẫu theo sự thay đổi của xã hội Việt Nam trong lịch sử. Theo đó, trước thế kỷ XVI thì hình ảnh và chức năng của các vị Mẫu thần gắn nhiều với nền kinh tế trồng lúa (với vai trò của ba vị thần gắn với ba không gian liên quan mật thiết đến nông nghiệp là: trời, đất và nước). Sau thế kỷ XVI, với sự phát triển mạnh mẽ của thương nghiệp (tầng lớp thương nhân nhiều tiền những chưa thực sự có nhiều quyền lực về mặt chính trị) và sự giảm sút vai trò của nông nghiệp thì Tam Tòa Thánh Mẫu đã ra đời với sự xuất hiện của Mẫu Thượng Ngàn bên cạnh Mẫu Thượng Thiên và Mẫu Thoải (Mẫu Địa bị đẩy ra ngoài Tam Tòa Thánh Mẫu). Cùng theo đó là sự ra đời của Thánh Mẫu Liễu Hạnh mà ở một giới hạn nào đó, có thể thấy rằng, bà là sự kết tinh nhuần nhuyễn của tất cả các Thánh Mẫu (với các sự tích và di tích ở Lạng Sơn, Tây Hồ, Nam Định, Đồi Ngang (Ninh Bình), Đền Sòng (Thanh Hóa),...), nhưng suy cho cùng, bà chính là đại diện tinh thần của thế lực mới đang lên (tầng lớp thương nhân Việt thế kỷ XVI)². Nói về sự liên quan mật thiết giữa tín ngưỡng thờ Mẫu và thương nghiệp, Ngô Đức Thịnh đã nhận xét: “Tín ngưỡng thờ Mẫu gắn rất chặt với thương nghiệp (mà thời Trung cổ, đó chính là thương nghiệp chợ quê, buôn đầu chợ, bán cuối chợ). Vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, các tuyến đường buôn bán từ Hà Nội ngược lên Lạng Sơn,... đó là các con đường buôn bán đường dài mà lực lượng chính vẫn là phụ nữ. Và không có gì đáng ngạc nhiên khi mà dọc các con đường ấy mọc lên không biết bao nhiêu là đền phủ của Đạo Mẫu, nơi mà các thương lái nữ giới đi buôn thường ghé vào cầu cúng Thánh Mẫu phù hộ cho họ buôn bán được may mắn. Đây cũng là con đường mà các đoàn hành hương của các ông đồng bà đồng, các con nhang đệ tử đi lễ Mẫu, lên đồng vào dịp “Xuân Thu nhị kỳ”. Như vậy, có thể nói con đường thương nghiệp vươn tới đâu thì đền phủ thờ Mẫu vươn tới đó³.”

Điều này đã phần nào giải thích cho sự bùng phát của tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt ở các khu vực thành thị của Việt Nam hiện nay, đặc biệt khi mà chúng ta chuyển đổi từ nền kinh tế bao cấp sang nền kinh tế thị trường. Trong phạm vi bài nghiên cứu này, chúng tôi sẽ đi vào xem xét mối quan hệ giữa tín ngưỡng thờ Mẫu và kinh tế dưới hai khía cạnh: cá nhân (xem xét tín ngưỡng thờ Mẫu dưới góc độ niềm tin của cá nhân) và cộng đồng (xem xét tín ngưỡng thờ Mẫu dưới góc độ một hiện tượng xã hội trong sự tương tác với xã hội).

3. Tín ngưỡng thờ Mẫu và kinh tế dưới khía cạnh cá nhân.

Trong kết cấu của bất kỳ một tôn giáo, tín ngưỡng nào thì niềm tin của tín đồ đối với tôn giáo, tín ngưỡng ấy đóng vai trò đặc biệt quan trọng. Niềm tin ấy luôn đi đôi với thực hành tôn giáo, tín ngưỡng hàng ngày và nó có sự tác động không nhỏ đến cuộc sống của tín đồ dưới nhiều góc độ khác nhau.

Đối với tín đồ của tín ngưỡng thờ Mẫu, họ tin rằng, khi đã là “con cháu nhà Ngài” thì sẽ luôn được các “Ngài” “phù hộ, độ trì” cho mọi mặt của cuộc sống không chỉ cho bản thân mình mà còn cho gia đình, dòng họ mình, đặc biệt là đời sống kinh tế. Hầu hết các ông đồng, bà đồng khi được hỏi đều nói rằng: nếu tin theo Mẫu và thành tâm cúng lễ thì cuộc sống của con nhang, đệ tử sẽ được sung túc, đủ đầy, làm ăn buôn bán sẽ thuận buồm xuôi gió, buôn may bán đắt. Bản thân tác giả khi nói chuyện với con nhang, đệ tử, hay chứng kiến những vấn đề hầu thì nhận thấy rằng mối quan tâm lớn nhất của họ chính là tài lộc, ngân, xuyên. Trong một nghiên cứu gần đây của mình, Ngô Đức Thịnh đã nhận định rằng: đối tượng tìm đến thờ Mẫu trong xã hội Việt Nam tuyệt đại là những người kinh doanh, buôn bán⁴. Lý giải cho điều này, ông đồng T (Hà Nội) đã giải thích rằng, Mẫu tức là mẹ, mà mẹ là biểu tượng của sự sinh sôi nảy nở, vì thế nếu tìm đến các Mẫu - Mẹ để cầu xin việc làm ăn buôn bán thì đồng tiền sẽ được sinh sôi nảy nở nhiều hơn - đó là lý do tại sao có nhiều thương nhân tìm đến với tín ngưỡng thờ Mẫu như vậy.

Chúng ta có thể tìm thấy mối quan hệ rất rõ ràng trong niềm tin của tín đồ khi tìm về với các vị thần linh của tín ngưỡng Mẫu để cầu xin thành công trong hoạt động buôn bán của mình trong trường hợp đền

Bà Chúa Kho ở Cổ Mễ, Từ Sơn, Bắc Ninh. Theo dân gian, tín đồ sẽ tìm đến đền Bà vào dịp đầu năm với tư cách là người đi vay và cuối năm với tư cách là người đi trả lại Bà những gì đã vay ở đầu năm. Trong một số trường hợp đặc biệt, họ chỉ đến với mong muốn “xin lộc roi, lộc vải của bà” để hy vọng thay đổi cuộc sống vất vả về kinh tế mà họ đang gặp phải. Đúng như Nguyễn Kim Hiền đã nhận xét, những người tìm đến đền Bà Chúa Kho với tư cách là người đi vay phần lớn là những tầng lớp người có điều kiện sống trung bình và thậm trí là tương đối khó khăn⁵. Họ tìm đến đền Bà với niềm tin vào một sự thay đổi về kinh tế sẽ có trong hiện thực.

Niềm tin của họ mạnh mẽ đến mức biến Bà từ một người trông giữ kho lương của triều đình⁶ trở thành một bà chủ ngân hàng với những chuẩn mực về tài chính của xã hiện đại. Tín đồ khi tìm đến Bà với tư cách là người đi vay sẽ phải chuẩn bị một lá sớ với nội dung ghi rõ số tiền mình muốn vay, thời hạn vay là bao nhiêu năm, thậm chí một số tín đồ còn ghi rõ mục đích vay tiền vào vụ việc kinh doanh gì và “lãi suất” là bao nhiêu (vay 1 trả 3 hay vay 1 trả 10) với hy vọng Bà sẽ phù hộ mà giúp việc làm ăn được thuận buồm xuôi gió. Để xác nhận xem việc vay tiền của mình có được sự đồng ý của thần linh hay không thì người đi vay sẽ tiến hành xin âm dương trước Tứ Phủ Công Đồng. Anh L. - chủ của một doanh nghiệp kinh doanh bất động sản Hà Nội, chia sẻ: “Năm nào đầu năm cả gia đình tôi cũng đều về đền Bà Chúa Kho để kêu cầu, xin Bà phù hộ độ trì cho vay vốn làm ăn và năm nào được lộc thì cuối lại đi lễ tạ. Vay Bà tiền âm, nhưng chúng tôi được lộc tiền dương, cuối năm lại đi trả Bà tiền âm, làm ăn được thì chúng tôi trả gấp 3, gấp 5 thậm chí là gấp 10 so với vốn vay Bà ban đầu”⁷.

Theo một số thầy cúng ở đền Bà Chúa Kho giải thích thì việc “vay”, “trả” là tùy ở mỗi người, không bắt buộc phải trả bà với tỷ lệ là bao nhiêu. Nhưng nhất định đã có vay là phải có trả dù bạn có làm ăn được hay không! Người đi vay phải giữ chữ tín và phải giữ lời nếu không muốn gánh chịu sự trừng phạt khủng khiếp của Bà đối với mình (như làm ăn thua lỗ, tù tội, gia đình lục đục....).

Với quan niệm đã đi vay tiền thì phải có lễ dâng lên và lễ càn to thì Bà Chúa Kho càng phù trợ cho làm ăn phát đạt nên bên cạnh tiền,

vàng (mã) thì người vay cũng phải chuẩn bị một mâm lễ vật (tùy theo số tiền hay vàng mà họ định vay nhiều hay ít mà chuẩn bị cho tương ứng). Sau khi kết thúc buổi lễ, tín đồ sẽ hóa vàng và mang một chút lộc thánh với số tiền, vàng (mã) đã vay Bà về nhà để lên bàn thờ, trong tủ hay trong cọt thóc. Đến hạn phải trả lễ Bà thì sẽ đem số vàng mã ấy đi đốt (cả gốc và lãi). Một người làm nghề bán vàng mã ở đền Bà Chúa Kho đã quy đổi từ vàng mã giả sang vàng mã thật như sau: “Nhìn cái mâm họ trả lễ thì biết. Nếu năm ngoài vay 1 tỉ đồng mà làm ăn được thì năm nay phải trả Bà 1 tỉ đồng. Cứ một thoi vàng (mã) tương đương với 10 cây vàng, 1 tờ đô (giả) tương đương với 100 USD thật mà tính ra. Một mâm ngất ngưỡng tính ra cũng phải cả chục tỉ đồng, cứ thế mà nhân lên. Ông này lễ 10 mâm ngất ngưỡng biết ngay vào cầu bao nhiêu chục tỉ đồng”⁸.

Vấn đề ở chỗ, vàng mã⁹ là thứ dùng cho người chết ở *thế giới bên kia*, nhưng với tín đồ của tín ngưỡng thờ Mẫu, nó lại là yếu tố quan trọng để có thể truyền tải quyền năng của thần linh từ thế giới siêu nhiên vào trần gian để đem lại cho họ cuộc sống như họ muốn. Và tất nhiên, nếu không có những *vật thiêng* này thì họ cho rằng việc làm ăn buôn bán của họ sẽ gặp rất nhiều những trở ngại, khó khăn và khó có thể thành công. Với niềm tin vào quyền năng của các vị thần linh, tín đồ đã dùng “đồng tiền thật mua “đồng tiền giả”, và rồi đến lượt “đồng tiền giả” lại hỗ trợ cho họ để kích thích ở họ niềm tin có thể kiếm được nhiều tiền. Khi những đồng tiền mã không được đốt đi, mà ngược lại được đem về nhà thì chúng đã đóng vai trò như một “vật chuyển tiếp” cho một mối quan hệ mang tính biểu trưng¹⁰.

Những niềm tin này còn được thể hiện rất rõ trong một số nghi lễ của tín ngưỡng thờ Mẫu mà hầu đồng là trung tâm. “Việc hầu đồng là để mưu cầu tài lộc cho bản thân mình, nhất là trước lúc làm ăn có tính chất được thua. Chẳng thế mà những người buôn bán hàng năm bỏ ra hàng cây vàng chỉ cho các buổi hầu thánh như thế. Ngày nay việc lên đồng để mưu cầu tài lộc thường là mục tiêu hàng đầu”¹¹. Trong các câu khấn của ông đồng, bà đồng thì câu hay dùng là: *Cầu cho con nhang đệ tử, đồng đền... có ngân, có xuyên, có lộc, có tài*. Còn trong một số bài Châu văn cũng nói nhiều về việc thần linh Tứ phủ ban tài lộc cho tín đồ:

*Ông về giá ngự xướng ca điện tiền
Một nguyên...
Hai nguyên buôn bán trăm đường
Tiền tài lưu loát bạc vàng đề đa
(Văn châu Quan đệ ngũ Tuần Tranh)¹².
hay
Đức vua giá ngự bản đền
Ban tài ban lộc thượng thiên cho đồng
Lộc gần cho chí lộc xa
Bốn phương hội họp về qua đền này
Ban cho tiền tốt liễu dày
Bổng lộc cho lắm về đây cho nhiều¹³.*

Để có *lộc Thánh* ban cho, tín đồ của tín ngưỡng thờ Mẫu không tiếc tiền của để đi lễ, đi hành hương, bỏ tiền của ra chi cho các cuộc lên đồng, vì họ tin rằng họ sẽ được Thánh Mẫu phù hộ. Hầu hết tín đồ khi được hỏi tại sao lại bỏ ra nhiều tiền để lễ Thánh như vậy đều trả lời với ý: “Bỏ một ít tiền ra làm lấy cái lễ cho thoải mái, thanh thản con người, đỡ phải lo bị các Ngài (thần thánh, tiên phật) quở trách, hành phạt. Mình bỏ ra bao nhiêu tiền để tán lộc thì các Ngài sẽ cho lại gấp đôi, gấp ba lần như vậy”. Lộc thánh gồm nhiều thứ, từ nén nhang cháy dở, đoạn môi khi Thánh múa đến điều thuốc, lá trà, quả cau, các thứ bánh trái, hoa quả, một vài thứ vật dụng (như gương lược, khăn tay, cặp tóc...), tiền bạc.... Đó là những thứ quà thiêng liêng của Thánh ban cho những ông đồng, bà đồng, cho những con nhang đệ tử tới dự buổi hầu Thánh. Đặc biệt, đối với những người làm ăn buôn bán thì những buổi hầu Thánh như vậy là những hỗ trợ tinh thần giúp họ ăn nên làm ra. Có không ít người dùng những đồng tiền nhận lộc Thánh đi mua bán, làm ăn và tin rằng những đồng tiền này sẽ đem lại những may mắn cho họ¹⁴. Cũng có người thì mang về để lên bàn thờ, trong tủ hoặc bỏt một ít cho vào ví tiền với mong muốn mình sẽ kiếm được nhiều tiền hơn nữa từ những đồng tiền lộc Thánh ban đó.

Trong nghi lễ hầu đồng thì tiền và vàng mã được sử dụng rất nhiều. Các vị Thánh nhập vào ông đồng bà đồng dùng tiền thật để phát lộc (tung hoặc trao tận tay) cho con nhang đệ tử và những người tham gia, còn con nhang đệ tử cũng dùng tiền thật để dâng cúng lên Thánh khi họ cần cầu xin một điều gì đó. Ngoài quan niệm “trần sao âm vậy”, “một miếng lộc Thánh bằng 1 gánh lộc nhà” trong niềm tin mang tính thực dụng cao của tín đồ thì phải chăng niềm tin về mối quan hệ mật thiết giữa tín ngưỡng thờ Mẫu và hoạt động buôn bán, kinh doanh đã tạo nên điều đó!

Như vậy, với tín đồ của tín ngưỡng thờ Mẫu, niềm tin của họ vào thần linh Tứ phủ đóng vai trò rất quan trọng giúp họ có thể yên tâm, tự tin để thực hiện các hoạt động kinh tế của mình trong đời sống thực. Và tất nhiên, trong thực tế thì kết quả cuối cùng phụ thuộc rất nhiều vào chính hành động của bản thân họ, còn *lộc Thánh* (sự phù hộ, vật thiêng...) chỉ là chỗ dựa về tinh thần, là “vốn ban đầu”¹⁵ mà Thánh ban mà thôi.

4. Tín ngưỡng thờ Mẫu và kinh tế dưới khía cạnh cộng đồng.

Tín ngưỡng thờ Mẫu không chỉ là một hình thái ý thức xã hội mà nó còn là một hiện tượng xã hội với những sinh hoạt tín ngưỡng, như: nghi lễ thờ cúng, cơ sở thờ tự, cộng đồng tín đồ... trong sự tác động qua lại với các hiện tượng xã hội khác.

Với sự hồi sinh và phát triển mạnh mẽ của tín ngưỡng thờ Mẫu vùng Đồng bằng Bắc Bộ hiện nay thì chính những sinh hoạt tín ngưỡng này đã tác động mạnh mẽ tới xã hội, trong đó không thể không kể đến những lợi ích về kinh tế mà các cộng đồng cư dân sống quanh các cơ sở thờ Mẫu được hưởng lợi, như: Làng Cổ Mễ, Từ Sơn, Bắc Ninh; Phủ Giầy ở Nam Định; Đền Sòng Sơn ở Thanh Hóa; Đền ông Hoàng Mười ở Hà Tĩnh; Đền Hoàng Bảy ở Lào Cai; Phủ Tây Hồ ở Hà Nội; Đền Mẫu Thượng Ngàn ở Yên Bái; Đền Chúa Thác Bờ ở Hòa Bình, v.v...

Theo thống kê thì lượng khách hành hương về Phủ Giầy, Nam Định vào khoảng 1,5 triệu khách/năm¹⁶ với trên dưới 1.000 canh hầu trình và hầu giá tại Phủ Giầy/năm¹⁷; Phủ Tây Hồ, Hà Nội vào những ngày đầu xuân năm mới trung bình có hàng vạn khách về lễ Mẫu mỗi

ngày¹⁸. Còn theo thống kê của Sở Văn hóa Thông tin tỉnh Bắc Ninh, có những thời điểm số người về hành lễ tại đền Bà Chúa Kho lên đến 200.000 người/ngày. Với một lượng người lớn như vậy đổ về một cơ sở tín ngưỡng đã giúp cho cộng đồng cư dân ở đây có cơ hội tìm kiếm việc làm và tăng thêm thu nhập. Một loạt các dịch vụ của người dân được hình thành nhằm đáp ứng nhu cầu của những người đi lễ, như: sản xuất và bán hương, hoa, vàng mã, viết sớ, sắp lễ, cúng khấn, dịch vụ ăn uống, ngủ nghỉ, trông giữ xe, quản lý và tu bổ cơ sở thờ tự,.... Thậm chí có nơi Ban quản lý cơ sở tín ngưỡng phải tiến hành phân bổ “chỉ tiêu” người được phép làm dịch vụ cúng thuê trong di tích cho từng gia đình trong làng hay tiến hành bốc thăm, đấu giá những vị trí bán hàng trong khuôn viên của điện thờ để tránh tình trạng tranh chấp lẫn nhau.

Bên cạnh sự được lợi của cộng đồng cư dân tại chỗ thì bản thân những cơ sở tín ngưỡng cũng không ngừng tăng thêm nguồn thu từ tiền *giọt dầu*, công đức mà người đi lễ dâng lên. Một số ông đồng bà đồng cho biết, nếu trước đây việc hành hương về các đền, phủ lớn của tín ngưỡng thờ Mẫu thường không phải đăng ký trước và với số tiền giọt dầu cúng cho bản đền là không nhiều (khoảng 50.000đ-100.000đ), thì hiện nay, để có thể thực hiện được các vấn hầu ở những đền phủ lớn này, các ông đồng, bà đồng thường phải đăng ký trước với bản đền và phải bỏ ra từ 300.000đ đến 500.000đ với những canh hầu giá, còn hầu trình trầu thì chỉ từ 100.000 - 150.000đ tiền giọt dầu¹⁹, chưa kể các tiền dịch vụ khác như vàng mã, ăn uống, ngủ nghỉ,.... Bên cạnh đó, không thể không nói đến khoản tiền công đức mà các đồng thầy dâng cúng vào điện thờ sau khi làm lễ (số tiền này nhiều hay ít sẽ phụ thuộc vào quy mô của buổi lễ lớn hay nhỏ và khả năng kinh tế của tín đồ mạnh hay yếu).

Đó chính là lý do mà rất nhiều các đền, phủ trong tín ngưỡng thờ Mẫu ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ hiện nay đã được trùng tu và sửa chữa với một hệ thống dịch vụ tâm linh hết sức chuyên nghiệp được hình thành để có thể thu hút được nhiều hơn nữa tín đồ hành hương về lễ Mẫu. Theo đó, các nhà đền có thể cung cấp thầy cúng, cung văn, hầu dâng (của nhà đền), vàng mã, trang phục lễ, các loại lễ vật cũng như

các dụng cụ khác dùng trong nghi lễ lên đồng và các nghi lễ khác của tín ngưỡng thờ Mẫu. Thậm chí một số nhà đền còn cung cấp cả dịch vụ đổi tiền lẻ và dịch vụ ăn uống, ngủ nghỉ cho tín đồ về hành lễ. Rõ ràng là sự gia tăng các sinh hoạt tín ngưỡng thờ Mẫu đã tạo ra một lượng việc làm và thu nhập đáng kể cho cộng đồng cư dân nơi có cơ sở thờ tự. Như Trần Đình Luyện đã khẳng định khi nghiên cứu về đền Bà Chúa Kho: việc có nhiều người về đền Bà Chúa Kho cúng lễ đã giúp cho các dịch vụ hỗ trợ của cư dân địa phương phát triển mạnh mẽ với sự tham gia của hàng nghìn người dân làng Cổ Mễ và xã Vũ Ninh. Khu di tích được bảo vệ, tu bổ, tôn tạo ngày càng khang trang, làng xóm đổi mới, đời sống người dân được nâng cao nhanh chóng²⁰.

Những sinh hoạt tín ngưỡng không chỉ đem lại nguồn lợi kinh tế cho cộng đồng cư dân tại chỗ mà còn góp phần tạo lên một mạng lưới liên kết về kinh tế giữa những người trong cùng một bản hội. Bản hội (bản phủ, bản đền) là một nhóm người có cùng niềm tin đối với tín ngưỡng thờ Mẫu mà trung tâm của sự liên kết giữa họ với nhau là Đồng Thầy. Mỗi đồng thầy sẽ tìm cách mở rộng càng nhiều càng tốt số lượng các con nhang, đệ tử để bản hội của mình lớn mạnh. Việc bản hội ngày càng lớn mạnh không chỉ đem lại nhiều lợi ích về kinh tế cho đồng thầy mà ngay cả con nhang đệ tử trong bản hội cũng được hưởng lợi nhất định. Nguyễn Ngọc Mai trong nghiên cứu của mình đã chỉ ra rằng rất nhiều người tham gia vào bản hội của một đồng thầy nào đó thì bên cạnh việc thỏa mãn nhu cầu về tâm linh họ còn được hưởng lợi từ rất nhiều sự liên kết giữa họ với đồng thầy, giữa họ với các con nhang đệ tử khác về mặt kinh tế²¹. Như Nguyễn Kim Hiền nhận xét, ngoài việc tìm kiếm niềm tin nơi thần cho cá nhân, bản hội còn có thể coi là một liên minh làm ăn tin cậy²².

Để chuẩn bị cho buổi lễ lên đồng thì các ông đồng, bà đồng phải lo bày biện, trang trí ban thờ, như: hoa quả, bánh kẹo, rượu, bia, thuốc lá, nước,...; đồ vàng mã để dâng cúng các vị thần linh; quần áo trang phục các giá hầu; mời cung văn, thầy cúng, hầu dâng... Thông thường, các ông đồng, bà đồng sẽ có trong tay một số nguồn cung cấp có uy tín về chất lượng, giá cả và dịch vụ mà thầy đồng thấy phù hợp với mình. Tuy nhiên, theo quan sát của tác giả thì hầu hết những nhà cung

cấp ấy đều là con nhang, đệ tử của đồng thầy. Đó chính là sự ưu tiên của đồng thầy cho người trong bản hội của mình trước khi có sự lựa chọn ở bên ngoài.

Ngay cả với đội ngũ hầu dâng, cung văn, thầy cúng cũng vậy, mặc dù về thực chất, họ có thể thể nhận bất kỳ lời đề nghị tham gia buổi lễ của đồng thầy nào - miễn là họ thấy *có lợi* cho họ. Nhưng thường thì cung văn, hầu dâng và thầy cúng sẽ luôn ưu tiên một đồng thầy hay bản điện nào đó mà họ cho rằng họ được *ăn lộc* ở đó, hoặc cũng có thể đó chính là nơi đã trình đồng cho họ. Sự ưu tiên này thể hiện ở chỗ, họ sẽ không đặt nặng vấn đề tiền cọc hay tiền lộc mà họ nhận được trong buổi lễ đó nhiều hay ít (trong sự so sánh với các buổi lễ của các đồng thầy hay điện thờ khác mà họ tham gia) hoặc họ cũng có thể hủy lịch với những nơi khác mà họ đã nhận lời nếu buổi lễ trùng lịch với đồng thầy hay bản điện chính của họ.

Những lợi ích về kinh tế của con nhang đệ tử không chỉ dừng lại ở việc là nguồn cung cấp đồ lễ, hàng hóa cho đồng thầy, mà còn thể hiện ở việc mở rộng mối quan hệ kinh tế, xã hội của bản thân với những người trong cùng bản hội. Có thể thấy, chính niềm tin vào thần linh Tứ Phủ cùng sự tin tưởng vào quyền năng của đồng thầy đã giúp họ có một sự tin tưởng lẫn nhau trong nhiều việc, trong đó có những giao dịch kinh tế, làm ăn. Tuy nhiên, khi được hỏi thì phần lớn những tín đồ được hưởng lợi về kinh tế khi tham gia vào bản hội đều giải thích rằng sự ổn định và phát triển về kinh tế của họ không phải là tình cờ, ngẫu nhiên mà đó là do sự phù hộ của thần linh mà người trung gian đem đến sự phù hộ ấy chính là đồng thầy mà họ đang theo. Điều đó đã phần nào tạo thêm động lực để họ tham gia nhiều hơn vào các hoạt động của bản hội khi đồng thầy yêu cầu.

5. Trong giai đoạn hiện nay, với sự biến đổi mạnh mẽ của xã hội Việt Nam nói riêng (đặc biệt về kinh tế, văn hóa, xã hội), tình hình thế giới nói chung, tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt vùng Đồng bằng Bắc Bộ và những sinh hoạt tín ngưỡng của nó không những không bị mất đi mà ngày càng phát triển mạnh mẽ. Những tác động của nó trên bình diện cá nhân và cộng đồng đã đem lại những giá trị tích cực nhất định, nhưng cũng không thể tránh khỏi những tác động tiêu cực, như:

tệ nạn mê tín dị đoan tăng lên, kèm theo nó là sự lãng phí về thời gian, tiền bạc của cá nhân và xã hội; sự phục hồi quá nhanh của tín ngưỡng Mẫu đã phần nào dẫn đến sự lúng túng và bất cập trong quản lý nhà nước về sinh hoạt tín ngưỡng nói chung và tín ngưỡng thờ Mẫu nói riêng. Để có thể đem lại sự lành mạnh trong các sinh hoạt tín ngưỡng thờ Mẫu thì không chỉ đòi hỏi cơ quan nhà nước hoàn thiện pháp luật về tôn giáo mà còn phải hoàn thiện các hệ thống pháp luật khác, như: kinh tế, đất đai, ngân hàng.../.

CHÚ THÍCH:

- 1 Đỗ Trinh Huệ (2000), *Văn hóa - Tín ngưỡng gia đình Việt Nam qua nhãn quan học giả L. CARDIERE*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr. 79-81.
- 2 Hương Nguyên (2004), “Quanh tục thờ Thánh Mẫu”, *Di sản văn hóa* (7), tr. 74-77.
- 3 Ngô Đức Thịnh (2010), *Đạo Mẫu Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr. 387.
- 4 Ngô Đức Thịnh (2010), *Đạo Mẫu Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr. 388.
- 5 Nhiều tác giả (2008), *Sự biến đổi của tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, tr. 300
- 6 Theo GS. Ngô Đức Thịnh, cội nguồn ban đầu của Bà Chúa Kho là nữ thần Mẹ lúa, là biểu tượng của một nền kinh tế nông nghiệp. Trong quá trình vận động của xã hội Việt Nam mà cốt lõi của nó là chủ nghĩa yêu nước và tinh thần chống giặc ngoại xâm đã dần dần thâm nhập, làm biến dạng nguồn cội ban đầu và trở thành Bà Chúa Kho Lương gắn với cuộc kháng chiến chống quân xâm lược (Ngô Đức Thịnh (2004), *Đạo Mẫu và các hình thức Shaman trong các tộc người ở Việt Nam và Châu Á*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 150-156).
- 7 <https://news.zing.vn/co-nen-vay-von-den-ba-chua-kho-de-lam-giau>
- 8 <http://dantri.com.vn/xa-hoi/di-tra-no-ba-chua-kho-1138217489.htm>
- 9 Theo Toàn Ánh, “Tục đốt vàng mã có ban đầu là dùng đồ bạch ngọc (ngọc trắng) để cúng tế. Đời sau vì bạch ngọc đắt và hiếm, nên người ta thay thế bằng tiền, những tiền này sau khi cúng xong đều bỏ đi rất phí tổn. Trước sự phí tổn này, vua Huyền Tôn nhà Đường ra lệnh dùng tiền giấy thay cho tiền thật, những thoi vàng thoi bạc giấy được thay cho vàng bạc thật và hình những đồng tiền vẽ trên giấy được cúng thay cho tiền quan. Đến đời Đường Thế Tôn, quan Từ tế sử, lo việc tế tự là Vương Dữ, đã cho cúng toàn tiền giấy rồi đốt đi. Về sau thêm tục cúng quần áo mũ và đồ dùng bằng giấy từ đời Ngũ Đại (Toàn Ánh (1992), *Tín ngưỡng Việt Nam (quyển thượng - quyển hạ)*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, tr. 416-417).
- 10 Nhiều tác giả (2008), *Sự biến đổi của tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, tr. 310.
- 11 Ngô Đức Thịnh (2004), *Đạo Mẫu và các hình thức Shaman trong các tộc người ở Việt Nam và Châu Á*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 52.
- 12 Ngô Đức Thịnh (2010), *Đạo Mẫu Việt Nam*, tập 2, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr. 306.

- 13 Ngô Đức Thịnh (2010), *Đạo Mẫu Việt Nam*, tập 2, Sdd, tr. 356.
- 14 Ngô Đức Thịnh (2010), *Đạo Mẫu Việt Nam*, tập 2, Sdd, tr. 95.
- 15 Nhiều tác giả (2008), *Sự biến đổi của tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, tr. 301.
- 16 Báo Điện tử Giadinh.net, *Hội Phủ Dầy “hút” hàng nghìn du khách*.
- 17 Nguyễn Ngọc Mai (2013), *Nghi lễ lên đồng - Lịch sử và giá trị*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, tr. 190.
- 18 Báo Điện tử VTC, *Đi lễ Phủ Tây Hồ phải dâng lễ... từ xa*.
- 19 Nguyễn Ngọc Mai (2013), *Nghi lễ lên đồng - Lịch sử và giá trị*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, tr. 127.
- 20 Ngô Đức Thịnh (2004), *Đạo Mẫu và các hình thức Shaman trong các tộc người ở Việt Nam và Châu Á*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 159.
- 21 Nguyễn Ngọc Mai (2013), *Nghi lễ lên đồng - Lịch sử và giá trị*, Nxb. Văn hoá Thông tin, Hà Nội, tr. 306.
- 22 Nhiều tác giả (2008), *Sự biến đổi của tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, tr. 301.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Toan Ánh (1992), *Tín ngưỡng Việt Nam (quyển thượng - quyển hạ)*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh.
2. Đỗ Trinh Huệ (2000), *Văn hóa-Tín ngưỡng gia đình Việt Nam qua nhân quan học giả L. CARDIERE*, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
3. Nguyễn Ngọc Mai (2013), *Nghi lễ lên đồng lịch sử và giá trị*, Nxb Văn hoá Thông tin, Hà Nội
4. Hương Nguyên (2004), “Quanh tục thờ Thánh Mẫu”, *Di sản văn hóa* (7), tr. 74-77.
5. Nhiều tác giả (2008), *Sự biến đổi của tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
6. Ngô Đức Thịnh (2004), *Đạo Mẫu và các hình thức Shaman trong các tộc người ở Việt Nam và Châu Á*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội
7. Ngô Đức Thịnh (2010), *Đạo Mẫu Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
8. Ngô Đức Thịnh (2010), *Lên đồng, hành trình của thần linh và thân phận*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
9. Ngô Đức Thịnh (2010), *Đạo Mẫu Việt Nam*, tập 2, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
10. Báo Điện tử Giadinh.net, *Hội Phủ Dầy “hút” hàng nghìn du khách*
11. Báo Điện tử VTC, *Đi lễ Phủ Tây Hồ phải dâng lễ... từ xa*
12. <https://news.zing.vn/co-nen-vay-von-den-ba-chua-kho-de-lam-giau>
13. <http://dantri.com.vn/xa-hoi/di-tra-no-ba-chua-kho-1138217489.htm>

Abstract**RELIGIOUS ACTIVITIES AND ECONOMIC ASPECTS
(Research on the Vietnamese's Mother Goddess worship in the
Red River Delta of Vietnam)****Nguyen Huu Thu***University of Social Sciences and Humanities, VNU.*

The Mother Goddess worship of the Vietnamese in the Red River Delta is a folk belief that was born early in the history. By the time, the worship of Mother Goddesses has changed to reflect the change of Vietnamese society in different historical periods. Before the sixteenth century, the worship had attached to the agricultural economy. After the 16th century, it gradually reflected the commodity economy with the emerging of traders' role (through the image of Princess Lieu Hanh and Three Realms). So far, the worship of Mother Goddesses has been developed in close relationship with commercial activities. A series of Mother Goddesses temples were built along the North-South trade road with the participation of businessmen, traders. Believers found their spiritual support to be able to confidently participate in economic activities when participating in the worship activities, the communities who lived around the temples were also influenced (in terms of economic life).

Keywords: Red River Delta; belief; Mother Goddess worship; economy; Vietnam.